ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2199 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 23 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-BNNMT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 663/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới; 19 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo các Quyết định số 31/QĐ-BNNMT ngày 07 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC(KSTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A.DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (20 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (15 TTHC)

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
LĨNH VỰC THỦY SẢN (15 TTHC)										
I. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 31/QĐ-BNNMT ngày 07/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
1	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác **1.003666.H21**	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH15; - Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
2	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác **1.003593.H21**	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trực tiếp tại Tổ chức quản lý Cảng cá được chỉ định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thuỷ sản từ khai thác (Ban Quản lý Cảng cá; Ban Quản lý Cảng cá Tam Quan) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Trình tự thực hiện; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	**1. Mức thu phí:** Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 *(thực hiện từ ngày 15/01/2019)* **2. Thời điểm thu phí**: Thu phí được thực hiện thanh toán "Tại thời điểm nhận kết quả".	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH15; - Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 (thực hiện từ ngày 15/01/2019).	-	x
II. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
3	Cấp văn bản chấp thuận	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Có	Một phần	- Thời gian giải	-	- Luật Thủy sản năm 2017, được	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) **1.003851.H21**	được hồ sơ đầy đủ.	điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý		sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh.		
4	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu	-	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	địa bàn từ 02 xã trở lên) **1.004923.H21**	nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.	tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			tờ khai; - Căn cứ pháp lý		sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;		
5	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) **1.004921.H21**	- ***Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng***; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - ***Đối với trường***	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: **02 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: **33 ngày làm việc.**	gia.					31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;		

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
III. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
6	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản **1.004943.H21**	- **08 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - **08 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh.	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.								
7	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản **1.004683.H21**	- **08 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.; - Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh.	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		- **08 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.								
8	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: **09 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	**1. Mức phí:** Quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính: - Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm 2 Biểu	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	đầu tư nước ngoài) **1.004915.H21**	hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: **02 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	định danh quốc gia.				phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 112/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài chính, cụ thể: + Kể từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản: 2.850.000 đồng/lần; + Kể từ 01/7/2026 trở đi, phí thẩm định:	- Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 64/2025/TT-BTC, ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
							5.700.000 đồng/lần **2. Thời điểm thu phí**: Thu phí được thực hiện thanh toán "Tại thời điểm nhận kết quả".			
9	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là	- **Trường hợp cấp Giấy chứng nhận**: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	giống thủy sản bố mẹ) **1.004918.H21**	có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - **Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận**: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.								
10	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản **1.004359.H21**	- **05 ngày làm việc** (đối với cấp mới), - **03 ngày làm việc** (đối với cấp lại) kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	**1. Mức phí:** Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần**.** **2. Thời điểm thu lệ phí**: thực hiện thanh toán "Tại thời điểm nộp hồ sơ".	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
								của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân **1.004913.H21**	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ	-	x
12	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Có	Toàn trình	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) **1.004692.H21**		- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ		
13	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông	- **Trường hợp cấp Giấy chứng nhận**: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thực tế. Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	**1. Mức phí:** Theo quy định tại Thông tư số 94/2021/TT-BTC, ngày 02/11/2021: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	nghiệp và Môi trường quản lý) **1.003741.H21**	đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận	hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần **2. Thời điểm thu lệ phí**: thực hiện thanh toán "Tại thời điểm trả kết quả".	của Chính phủ; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2025 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh.		

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; - **Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận**: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.								
14	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá **1.004697.H21**	- **Trường hợp cấp Giấy chứng nhận**: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		cơ sở; nếu đạt yêu cầu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận	công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					ngày 25/01/2026 của Chính phủ;		

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. - **Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.								

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
15	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam **1.004344.H21**	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;	-	x
Tổng cộng: 15 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (05 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC THỦY SẢN					
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
1	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên	Một phần	Cấp tỉnh	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật	-

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) **1.004678.H21**			146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	
2	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài **1.004669.H21**	Một phần	Cấp tỉnh	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025
3	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) **1.004684.H21**	Toàn trình	Cấp tỉnh	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	-
4	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá **1.004056.H21**	Toàn trình	Cấp tỉnh	Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ- CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2014/nđ-cp ngày 07 tháng 7 năm 2014 của chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/10/2025
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá **1.003726.H21**	Toàn trình	Cấp tỉnh	Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. *Lý do: Gộp chung vào TTHC cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá*	

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	
Tổng cộng: 05 TTHC					

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (05 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (01 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường									
LĨNH VỰC THỦY SẢN									
1	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) **1.014801.H21**	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.	-	x
Tổng cộng: 01 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
LĨNH VỰC THỦY SẢN										
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) **1.003956.H21**	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH15; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-	x
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	**a) Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy**	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã,	Có	Một phần	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH15;	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	1.004498.H21	**chế hoạt động của tổ chức cộng đồng**: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; **b) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.						- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.								
3	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng **1.004680.H21**	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH15; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-	x
4	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung	Có	Một phần	- Thời gian giải quyết TTHC;	-	- Luật thủy sản số 18/2017/QH1	-	x

STT	Tên TTHC/ Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên **1.004656.H21**	đủ.	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý		4 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2015/QH 15; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
Tổng cộng: 04 TTHC										